Ký bởi:Trường THCS xã Thanh Yên
Thời gian ký:26/09/2024 11:23:16

UBND HUYỆN ĐIỆN BIÊN
**TRƯỜNG THCS XÃ THANH YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 98/QĐ-THCS

*Thanh Yên, ngày 25 tháng 9 năm 2024*

# QUYẾT ĐỊNH
**Ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại thi đua cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên Trường THCS xã Thanh Yên - Năm học 2024-2025**

## HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS XÃ THANH YÊN

*Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15/6/2022;*

*Căn cứ Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;*

*Căn cứ Thông tư số 1/2024/TT-BNV ngày 24/02/2024 của Bộ Nội vụ quy định biện pháp thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;*

*Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT- BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;*

*Căn cứ Thông tư số 29/2023/TT-BGDĐT ngày 29/12/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định chi tiết thi hành một số điều của luật thi đua, khen thưởng đối với ngành Giáo dục;*

*Căn cứ Quyết định số 05/2024/QĐ-UBND ngày 29/3/2024 của UBND tỉnh ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Điện Biên;*

*Căn cứ Quyết định số 2316/QĐ-UBND, ngày 14/08/2024 của UBND huyện Điện Biên về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2024 – 2025 đối với Giáo dục mầm non, Giáo dục phổ thông và Giáo dục thường xuyên trên địa bàn huyện Điện Biên;*

*Căn cứ Quyết định số 1144/QĐ-UBND ngày 10/5/2024 của UBND huyện Điện Biên về Quy chế thi đua khen thưởng trên địa bàn huyện Điện Biên.*

*Căn cứ Công văn số 1237/CV-PGDĐT ngày 09/9/2024 của Phòng GD&ĐT huyện Điện Biên V/v triển khai hướng dẫn công tác thi đua khen thưởng năm học 2024-2025;*

Xét đề nghị của Ban giám hiệu, Ban thi đua trường THCS xã Thanh Yên.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành Quyết định kèm theo Quy chế Chấm điểm, đánh giá, xếp loại thi đua cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên trường THCS xã Thanh Yên**,** năm học 2024-2025

**Điều 2.** Cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh của trường THCS xã Thanh Yên, các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày kí./.

***Nơi nhận:***
- Như điều 2;
- Lưu VT.

**HIỆU TRƯỞNG**

ỦY BAN NHÂN DÂN H. ĐIỆN BIÊN T. ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ XÃ THANH YÊN

**Nguyễn Duy Quảng**

**QUY CHẾ**

**Đánh giá, xếp loại thi đua cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên**

**Trường THCS xã Thanh Yên - Năm học 2024-2025**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 98/QĐ-THCS ngày 23 tháng 9 năm 2024 của Hiệu trưởng trường THCS xã Thanh Yên )*

## Chương I

## NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về việc chấm điểm, đánh giá xếp loại thi đua của cán bộ, giáo viên và nhân viên (CB-GV-NV) trường THCS xã Thanh Yên bao gồm: Chấm điểm, đánh giá, xếp loại thi đua của các cá nhân trong từng đợt thi đua và thi đua cả năm học; trách nhiệm của CB-GV-NV trường THCS xã Thanh Yên.

2. Quy chế này áp dụng đối với CB-GV-NV trường THCS xã Thanh Yên .

### Điều 2. Mục đích, căn cứ và nguyên tắc chấm điểm, đánh giá, xếp loại

1. Chấm điểm, đánh giá và xếp loại thi đua đối với CB-GV-NV sau mỗi đợt thi đua, mỗi năm học nhằm giúp CB-GV-NV trong trường tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua, từ đó xây dựng cho mình kế hoạch rèn luyện nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, không ngừng phát triển nghề nghiệp. Đồng thời giúp hiệu trưởng đánh giá, xếp loại CB-GV-NV trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng đội ngũ.

2. Căn cứ chấm điểm, đánh giá và xếp loại thi đua của CB-GV-NV được dựa trên cơ sở sau:

a) Luật thi đua khen thưởng ngày 15/6/2022;

b) Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng; Căn cứ Thông tư số 1/2024/TT-BNV ngày 24/02/2024 của Bộ Nội vụ quy định biện pháp thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng; Căn cứ Thông tư số 29/2023/TT-BGDĐT ngày 29/12/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định chi tiết thi hành một số điều của luật thi đua, khen thưởng đối với ngành Giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 05/2024/QĐ-UBND ngày 29/3/2024 của UBND tỉnh ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Căn cứ Hướng dẫn số 3158/HD-UBND ngày 28/11/2023 của UBND huyện về việc hướng dẫn tổng kết công tác Thi đua, khen thưởng năm 2023, phương hướng nhiệm vụ công tác Thi đua, khen thưởng năm 2024; Căn cứ Quyết định số 1144/QĐ-

UBND ngày 10/5/2024 của UBND huyện Điện Biên về Quy chế thi đua khen thưởng trên địa bàn huyện Điện Biên. Kế hoạch số 2286/SGDĐT-TCCB ngày 23/8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về Hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng năm học 2024-2025

c) Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức; Chuẩn nghề nghiệp Hiệu trưởng Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20/7/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chuẩn nghề nghiệp giáo viên Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 08/10/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d) Điều lệ trường trung học cơ sở, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐTngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

e) Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Thi đua, khen thưởng; Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 27/7/2020 của UBND tỉnh ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

f) Nội quy nhà trường;

g) Kết quả rèn luyện và thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, giáo viên và nhân viên.

3. Bảo đảm nguyên tắc thi đua, khen thưởng và quy định chung về khen thưởng được thực hiện theo quy định tại Điều 5 Luật thi đua, khen thưởng ngày 15/6/2022, Điều 4 Nghị định 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ, Điều 3 Quyết định số 1144/2024/QĐ-UBND ngày 10/5/2024 của UBND huyện

Thực hiện đảm bảo khách quan, dân chủ, công bằng, công khai, chính xác trong chấm điểm, đánh giá và xếp loại thi đua của CB-GV-NV gắn việc xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ với việc nâng cao chất lượng thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao.

## Chương II

## CHẤM ĐIỂM, ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI THI ĐUA

### Điều 3. Căn cứ chấm điểm, đánh giá, xếp loại thi đua

**1. Căn cứ chấm điểm thi đua:**

a) Việc chấm điểm thi đua của CB-GV-NV căn cứ vào các biểu hiện và kết quả cụ thể thuộc 3 tiêu chí:

**- Tiêu chí 1**: Phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống;

**- Tiêu chí 2**: Thực hiện nhiệm vụ được giao;

Cụ thể hóa bằng thực hiện có chất lượng, hiệu quả các nhiệm vụ công tác; bảo đảm công bằng, minh bạch, gắn trách nhiệm của CBQL, giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn với chất lượng giáo dục của trường, của lớp, của môn học mình đảm nhiệm.

+ Thông qua kết quả kiểm tra chất lượng đầu năm và giao chỉ tiêu chất lượng cho từng tổ CM, lớp, giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn và cuối năm học tổ chức đánh giá chất lượng. Căn cứ chất lượng cuối năm học và kết quả tuyển sinh vào lớp 10 đối với học sinh lớp 9 của Sở Giáo dục và Đào tạo để xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tổ, lớp, CBQL, giáo viên và bình xét thi đua, khen thưởng cho tập thể, cá nhân.

+ Cá nhân được đánh giá, xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và đề nghị khen thưởng các phải có nhiều thành tích nổi bật, có nhiều đổi mới sáng tạo, nâng cao chất lượng giáo dục, là điển hình để các tập thể, cá nhân khác học tập.

+ Cá nhân đề nghị danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" đảm bảo điều kiện tiêu chuẩn được quy định tại Điều 23 Luật Thi đua, khen thưởng, đồng thời phải thực sự tiêu biểu, được lựa chọn trong số các cá nhân có đủ tiêu chuẩn theo quy định.

**- Tiêu chí 3:** Tham gia các hoạt động phong trào, đoàn thể, xã hội.

b) Việc chấm điểm phải dựa vào các minh chứng phù hợp được quy định tại **điều 7** của quy chế này.

c) Các cá nhân được cộng điểm thưởng khi có thành tích trong các hoạt động chuyên môn, hoạt động phong trào và các hoạt động khác theo quy định. Thành tích đạt được trong đợt thi đua nào thì được cộng điểm vào đợt thi đua đó.

d) Đối với giáo viên được công nhận bảo lưu danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh, giáo viên dạy giỏi cấp huyện, trong các năm học không tổ chức thi theo cấp đó thì được cộng điểm thi đua cuối năm.

e) Đối với những lỗi vi phạm mà không có minh chứng cụ thể thì không trừ điểm của cá nhân đó.

f) Nếu một tiêu chí có nhiều vi phạm phải trừ điểm thì tổng số điểm trừ cũng không nhiều hơn mức điểm tối đa được quy định cho tiêu chí đó. Nếu vi phạm nhiều lần thì số điểm bị trừ bằng số điểm trừ/lần nhân với số lần vi phạm.

2. Điểm thi đua cả năm làm căn cứ xếp loại thi đua gồm 3 loại: LĐTT; HTNV và Không HTNV; Riêng các cá nhân đạt LĐTT được xếp theo từng tốp.

**Điều 4. Hình thức chấm điểm thi đua**

1. Hình thức đánh giá:

a) Đánh giá bằng cho điểm đối với tất cả các nội dung thực hiện chấm điểm. Thang điểm như sau:

- Đối với mỗi đợt thi đua: Chấm điểm theo thang điểm từ điểm 0 đến điểm 100.

- Đối với thi đua cả năm học: Điểm thi đua là tổng điểm của các đợt thi đua cộng lại.

b) Điểm thi đua là số nguyên.

**2. Khung điểm cho mỗi tiêu chí:**

a) Tiêu chí 1: Tối đa 20 điểm.

b) Tiêu chí 2: Tối đa 60 điểm.

c) Tiêu chí 3: Tối đa 20 điểm.

**3. Điểm thưởng**: Tuỳ thuộc vào thành tích đạt được của mỗi CB-GV-NV, điểm cho mỗi nội dung theo quy định của quy chế này.

**4. Kết quả thi đua sau mỗi đợt, cả năm học**:

a) Số điểm đạt được của mỗi cá nhân trong mỗi đợt thi đua là *hiệu số của tổng điểm tối đa quy định cho các tiêu chí trừ tổng số điểm bị trừ do các vi phạm, sau đó cộng với điểm thưởng của đợt thi đua đó*.

b) Đối với cả năm học: Điểm thi đua cả năm học là tổng điểm của tất cả các đợt thi đua trong năm học.

**Điều 5. Quy trình chấm điểm**

1. Kết thúc mỗi đợt thi đua, cuối năm học mỗi cá nhân tự chấm điểm (Thư ký kết hợp với Ban thi đua theo dõi, tổng hợp điểm vì nhiều trường hợp GV không tự trừ điểm), đánh giá, xếp loại thi đua của bản thân.

2. Tổ chuyên môn họp xét, đánh giá, xếp loại thi đua của mỗi cá nhân trong tổ.

3. Hội đồng thi đua, khen thưởng nhà trường họp xét và thống nhất xếp loại thi đua cho từng cán bộ, giáo viên, nhân viên.

**Điều 6. Tiêu chuẩn xếp loại theo từng đợt và xếp loại cả năm học**

***1. Đối với từng đợt thi đua:***

a) *Lao động tiên tiến*, nếu điểm thi đua đạt từ 70 điểm trở lên.

b) *Hoàn thành nhiệm vụ,* nếu điểm thi đua đạt từ 50 điểm đến 69 điểm.

c) *Không hoàn thành nhiệm vụ*, nếu điểm thi đua dưới 50 điểm.

***2. Đối với cả năm học:***

*a) Lao động tiên tiến,* nếu điểm thi đua đạt từ 280 điểm trở lên và *không có đợt thi đua nào xếp loại Không hoàn thành nhiệm vụ*.

*b) Hoàn thành nhiệm vụ*, nếu điểm thi đua đạt từ 200 điểm đến 279 điểm.

*c) Không hoàn thành nhiệm vụ*, nếu điểm thi đua dưới 200 điểm.

d) Căn cứ thành tích, điểm thi đua của CBGV, Ban thi đua nhà trường sẽ xếp loại thi đua đối với các cá nhân đạt LĐTT theo từng tốp.

3. Trong trường hợp cấp trên khống chế tỷ lệ, số lượng khen thưởng các cấp nhà trường sẽ xét theo điểm thi đua từ cao đến thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu cấp trên giao. Nếu có nhiều người bằng điểm nhau thì ưu tiên người nào có điểm phần thực hiện nhiệm vụ chuyên môn cao hơn sẽ được xếp thứ tự cao hơn.

**Điều 7. Nguồn minh chứng chấm điểm thi đua**

1. Các văn bản của các cấp quản lý giáo dục, chính quyền địa phương trong đó có các nội dung công nhận, khen thưởng các danh hiệu, các thành tích của các cá nhân.

2. Các báo cáo, đánh giá hàng tháng, sau mỗi học kỳ, cuối năm học của Hiệu trưởng; các kết luận của Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng trong các cuộc họp của nhà trường.

3. Biên bản vi phạm (hay giấy tờ khác có chữ ký xác nhận của người vi phạm hoặc người làm chứng) của các cá nhân do Ban giám hiệu, các tổ trưởng và các cá nhân được Hiệu trưởng giao nhiệm vụ phụ trách các công việc của nhà trường lập.

4. Các minh chứng có giá trị khác.

**Điều 8. Quy định về chấm điểm cho từng tiêu chí**

***1. Tiêu chí 1. Phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống:***

a) Điểm chuẩn: **20 điểm.**

b) Những trường hợp vi phạm bị trừ điểm (Đối với cả CB-GV-NV):

- Có biểu hiện vi phạm chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước... bị phê bình, nhắc nhở (có biên bản): Trừ 3 điểm/lần.

- Vi phạm nội quy, quy chế của nhà trường bị phê bình, nhắc nhở (có biên bản): Trừ 5 điểm/lần.

- Vi phạm ngày giờ công lao động không có lý do (bỏ giờ dạy, bỏ họp, bỏ các hoạt động khác do ngành và trường quy định...) (có biên bản): Trừ 5 điểm/lần.

***2. Tiêu chí 2. Thực hiện nhiệm vụ được giao:***

a) Điểm chuẩn: **60 điểm.**

***b) Những trường hợp vi phạm bị trừ điểm:***

*** Đối với giáo viên:**

- Không tham gia các hoạt động chuyên môn của trường (thi GVG; ôn thi HSG) *(Không có lí do chính đáng):* Trừ 10 điểm.

- Không hoàn thành đúng tiến độ công việc theo kế hoạch được giao: Trừ 5 điểm/lần.

- Vi phạm quy chế chuyên môn đến mức phải lập biên bản, mỗi lần vi phạm trừ: 5 điểm.

- *Chất lượng môn dạy thấp hơn so với chỉ tiêu* quy định của ngành và của trường đối với từng môn học từ 3% đến 5%: Trừ 5 điểm; Thấp hơn từ 6 đến 10%: Trừ 10 đ; Thấp hơn từ 11 đến 20%: Trừ 15 điểm; thấp hơn từ 21% trở lên: Trừ 20đ. *Điểm trừ thuộc đợt thi đua nào thì áp vào đợt thi đua đó*.

*Chất lượng giảng dạy (hiệu quả công việc) của mỗi cá nhân được gắn với đánh giá thi đua cuối năm.*

- GV phụ trách đội bản có HS bỏ học trong năm học: Trừ 3 điểm/HS *(Chỉ trừ 1 lần vào đợt thi đua có HS bỏ học)*. GVCN có HS bỏ học trong năm học: Trừ 5 điểm/HS *(Khi đã bàn giao sĩ số HS của lớp trên thực tế)*.

- GVCN: Có tỷ lệ HS nghỉ học hàng tháng từ 1% đến 3%:(không có lí do chính đáng) Trừ 2 điểm/**đợt TĐ**; từ 3,1% đến 5%: Trừ 3 điểm/đợt TĐ; từ 5,1% trở lên: Trừ 4 điểm/đợt TĐ.

*** Đối với nhân viên:**

- Không hoàn thành đúng tiến độ công việc theo kế hoạch được giao: Trừ 3 điểm/đợt TĐ.

- Không có đủ hồ sơ, sổ sách theo quy định: Trừ 5 điểm/lần kiểm tra.

- *Vi phạm chế độ làm việc, không đảm bảo thời gian làm việc (tự ý nghỉ không xin phép, đi muộn, về sớm): Trừ 5 điểm/lần*.

- Quản lý yếu gây lãng phí, thất thoát tài sản nhà trường mà bản thân được giao phụ trách: Trừ 10 điểm/tài sản.

- Không báo cáo kịp thời các sự việc xảy ra trong phạm vi nhiệm vụ được phân công phụ trách với cấp trên trực tiếp: Trừ 10 điểm/lần.

- Cùng cộng đồng trách nhiệm trong công tác quản lý, giáo dục HS.

*** Đối với CBQL (Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng).**

- Không đảm bảo hệ thống hồ sơ sổ sách theo quy định đối với CBQL và lĩnh vực được phân công phụ trách: Trừ 3 điểm/ 1 đầu hồ sơ/ 1 lần kiểm tra *(Thẩm quyền kiểm tra: Phòng GD&ĐT kiểm tra hoặc Hiệu trưởng kiểm tra Phó Hiệu trưởng).*

- Không thực hiện lịch trực quản lý theo phân công mà không có lý do chính đáng: trừ 2 điểm/1 buổi nghỉ.

- Không hoàn thành các báo cáo đúng tiến độ để Phòng GD&ĐT nhắc nhở bằng văn bản: Trừ 2 điểm/1 lần nhắc nhở.

- Không triển khai thực hiện các kế hoạch đề ra trong tháng đúng thời gian quy định (do nguyên nhân chủ quan): trừ 3 điểm/ lần.

- Để xảy ra tình trạng mất an toàn về phòng chống cháy nổ, ANTT trong trường do có nguyên nhân khâu quản lý: trừ 10 điểm/1 vụ việc.

- Không thực hiện tốt quy chế dân chủ trong cơ quan để xảy ra khiếu kiện (đúng sự thật) vượt cấp do giải quyết không thỏa đáng: trừ 20 điểm/1 vụ việc.

***3. Tiêu chí 3. Tham gia vào các hoạt động phong trào, đoàn thể, xã hội:***

a) Điểm chuẩn: **20 điểm.**

b) Đăng ký tham gia hiến máu tình nguyện nhưng không lấy được máu cộng 10 điểm/1 lần; cộng 30 điểm cho 1 lần/được lấy máu.

c) Những trường hợp vi phạm bị trừ điểm:

- Không tham gia vào các hoạt động xã hội, phong trào văn nghệ, thể dục thể thao, các hoạt động nhân đạo, từ thiện do ngành, nhà trường và địa phương tổ chức (không có lý do chính đáng): Trừ 5 điểm/lần.

*- Không tham gia vào các phong trào, cuộc thi do ngành, nhà trường phát động, tổ chức khi được phân công, vận động (Không có lí do chính đáng): Trừ 5 điểm/lần.*

**Điều 9. Thưởng điểm**

Các cá nhân đạt các thành tích trong đợt thi đua nào thi được cộng một lần điểm thưởng vào đợt thi đua đó.

**1. Đối với giáo viên:**

- Đạt danh hiệu GV dạy giỏi cấp tỉnh (Năm dự thi): Cộng 50đ; Các năm bảo lưu cộng 25đ;

- Đạt danh hiệu GV dạy giỏi cấp huyện (Năm dự thi): Cộng 40đ. Các năm bảo lưu cộng 20 đ.

- Đạt danh hiệu GV dạy giỏi cấp trường (Năm dự thi): Cộng 20đ. Năm bảo lưu cộng 10đ

- Tham gia các hoạt động hội thi CM nếu được giấy khen cấp huyện cộng thêm 10đ; cấp tỉnh 15đ.

- Đạt giải cá nhân trong các hội thi cấp tỉnh (các hội thi VN, TDTT...): Nhất: Cộng 50 điểm; Nhì: Cộng 45 điểm; Ba: Cộng 40 điểm; Giải KK: 35đ.

- Đạt giải đồng đội trong các hội thi cấp tỉnh (các hội thi CM, VN, TDTT...): Nhất: Cộng 50 điểm/cuộc thi; Nhì: Cộng 45 điểm/cuộc thi; Ba: Cộng 40 điểm/cuộc thi; Giải KK: Cộng 35 điểm/ cuộc thi. Trường hợp các hội thi chỉ công nhận đạt danh hiệu chung thì được cộng 30 điểm/1 lần đạt danh hiệu.

**- Đạt giải cá nhân trong các hội thi cấp huyện** (các hội thi VN, TDTT.....), đạt giải cá nhân trong các hội thi cấp Nhất: Cộng 40 điểm; Nhì: Cộng 35 điểm; Ba: Cộng 30 điểm; KK: Cộng 25 điểm.

- Đạt giải đồng đội trong các hội thi cấp huyện (các hội thi VN, TDTT.....): Nhất: Cộng 40 điểm/cuộc thi; Nhì: Cộng 35 điểm/ cuộc thi; Ba: Cộng 30 điểm/ cuộc thi; KK: Cộng 25 điểm/cuộc thi. Trường hợp các hội thi chỉ công nhận đạt danh hiệu chung thì được cộng 20 điểm/1 lần đạt danh hiệu.

**- Đạt giải cá nhân trong các hội thi cấp cụm, cấp xã** (các hội thi VN, TDTT.....), Nhất: Cộng 30 điểm; Nhì: Cộng 25 điểm; Ba: Cộng 20 điểm; KK: Cộng 15 điểm.

- Đạt giải đồng đội trong các hội thi cấp cụm, xã (các hội thi VN, TDTT.....): Nhất: Cộng 30 điểm/cuộc thi; Nhì: Cộng 25 điểm/ cuộc thi; Ba: Cộng 20 điểm/ cuộc thi; KK: Cộng 15 điểm/cuộc thi.

**1.1. GV bồi dưỡng có HS giỏi các môn văn hóa:**

**1.1.1. Cấp trường**: HSG Cộng 12 điểm/1giải nhất; Cộng 10 điểm/1giải nhì; Cộng 8 điểm/1giải ba; Cộng 6 điểm/1giải KK;

**1.1.2. Cấp huyện**:

+ Đối với các môn văn hoá (HSG): Cộng **40** điểm/1giải nhất; Cộng 35 điểm/1giải nhì; Cộng 30 điểm/1giải ba; Cộng 25 điểm/1giải KK.

**1.1.3. Cấp tỉnh**: Cộng 60 điểm/1giải nhất; Cộng 55 điểm/1giải nhì; Cộng 50 điểm/1giải ba; Cộng 45 điểm/1giải KK

**1.1.4. Cấp quốc gia**, GV tham gia đạt giải được cộng **70 điểm,** Giáo viên HD, bồi dưỡng HS đạt giải cộng **70 điểm/lần** (hoặc/1 HS).

**1.2. GV bồi dưỡng HS năng khiếu (Văn nghệ; TDTT,….)**

**1.2.1. Cấp trường:**

GV có HS năng khiếu cấp trường: Cộng 7 điểm/1giải nhất; Cộng 6 điểm/1giải nhì; Cộng 5 điểm/1giải ba; Cộng 4 điểm/1giải KK;

**1.2.2**. **Cấp huyện**:

GV có Cộng **30** điểm/1giải nhất; Cộng 28 điểm/1giải nhì; Cộng 25 điểm/1giải ba; Cộng 20 điểm/1giải KK.

**1.2.3**. **Cấp tỉnh**

Cộng 40 điểm/1giải nhất; Cộng 35 điểm/1giải nhì; Cộng 30 điểm/1giải ba; Cộng 25 điểm/1giải KK

**1.2.4**. **Cấp quốc gia**,

GV tham gia đạt giải được cộng **40 điểm,** Giáo viên HD, bồi dưỡng HS đạt giải cộng **30 điểm/lần** (hoặc/1 HS).

**1.3.** Đối với GV dạy thể dục tính điểm thưởng theo thành tích chung của toàn đoàn: Tốp 1-3: Cộng 50 điểm; Tốp 4-6 cộng 40 điểm; tốp 6 – dưới 8 cộng 20 điểm.

**1.4**. GVCN lớp đạt giải toàn đoàn trong các cuộc thi do trường tổ chức (thi báo tường, VN, TDTT...): Nhất: Cộng 5 điểm/hội thi; Nhì: Cộng 4 điểm/hội thi; Ba: Cộng 3 điểm/hội thi; KK: Cộng 2 điểm/hội thi

**1.5.** CBQL-GV-NV có thành tích được các cấp tặng giấy khen chuyên đề trong năm (*không tính khen thưởng cuối năm học*): Cấp xã: Cộng 30 điểm/lần; Cấp huyện: Cộng 40 điểm/lần; Cấp tỉnh: Cộng 50 điểm/lần.

**2. Đối với nhân viên:**

**Thưởng thành tích chung** *(Quy định riêng đối với nhân viên do đặc thù công việc).*

- Nếu cả 4 đợt đều đạt từ 100 điểm trở lên (hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ) thì được cộng thêm điểm thưởng là 30 điểm vào tổng điểm thi đua của cả năm học.

- Nếu cả 4 đợt đều đạt từ 95 điểm trở lên thì được cộng thêm điểm thưởng là 20 điểm vào tổng điểm thi đua của cả năm học.

- Nếu cả 4 đợt đều đạt từ 90 điểm trở lên thì được cộng thêm điểm thưởng là 10 điểm vào tổng điểm thi đua của cả năm học.

Các trường hợp còn lại không được cộng điểm thưởng.

**3**. **Đối với CBQL (Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng).**

**3.1. Kết quả chỉ đạo tổ chức các Hội thi của học sinh các cấp.**

*** Đối với các hội thi HS giỏi**

Thi HS giỏi cấp cụm: Có HS đạt giải cộng 5đ, nếu có từ 6-10 HS đạt giải cộng 8đ; nếu có từ 10 HS đạt giải thì cộng 15đ.

Thi HS giỏi cấp huyện: Có HS đạt giải cộng 5đ; nếu có từ 3 đến 5 HS đạt giải cộng 10 đ; nếu có từ 6 HS trở lên đạt giải thì được cộng 15đ.

Thi HSG cấp tỉnh: Có HS đạt giải cộng 10đ; có từ 3 đến 5 HS đạt giải cộng 15 đ; nếu có từ 6 HS trở lên đạt giải cộng 20đ.

Thi HSG cấp QG: Có HS đạt giải cộng 15đ; nếu có từ 3 đến 5 HS đạt giải cộng 20 đ; nếu có từ 6 HS trở lên đạt giải cộng 25đ

*** Đối với các hội thi năng khiếu của HS**

Thi cấp huyện: Có nội dung đạt giải cộng 5đ; nếu có từ 3 đến 5 nội dung đạt giải cộng 10 đ; nếu có từ 6 nội dung trở lên đạt giải cộng 15đ

Thi cấp tỉnh: Có nội dung đạt giải cộng 10đ; nếu có từ 3 đến 5 nội dung đạt giải cộng 15 đ; nếu có từ 6 nội dung trở lên đạt giải cộng 20đ.

Thi cấp QG: Có nội dung đạt giải cộng 15đ; Có từ 3 đến 5 nội dung đạt giải cộng 20 đ; nếu có từ 6 nội dung trở lên đạt giải cộng 25đ.

Các hội thi khác: Có HS đạt giải cấp huyện cộng 5đ/lần; có HS đạt giải cấp tỉnh cộng 10 đ/lần; có HS giỏi cấp QG cộng 15đ/lần.

*** Kết quả chỉ đạo tổ chức tham gia các Hội thi của giáo viên, nhân viên.**

- Đạt các giải toàn đoàn: Giải nhất: cộng 30 điểm; Giải nhì: cộng 20 điểm; Giải ba: cộng 15 điểm; Giải khuyến khích: cộng 10 điểm.

- Căn cứ vào thứ bậc xếp hạng của trường trong các trường THCS từ 1 đến 17. Nếu nằm trong tốp 10 trường đứng đầu trong huyện thì sẽ được cộng điểm thưởng theo thứ tự: Xếp thứ 10 được cộng 2 điểm và mỗi bậc tăng sẽ được cộng thêm 2 điểm.

**4. Các nội dung khác:**

4.1. Khen thưởng của UBND huyện:

Trong số các cá nhân đề nghị UBND huyện khen dành 01 xuất để hội đồng TĐKT xét cho cá nhận nào có nhiều cống hiến, đóng góp hoặc hoàn thành tốt các công việc phân công kiêm nhiệm của trường mà chưa được cộng điểm thi đua.

4.2. Cộng **<u>20 điểm</u>** cho CBGV-NV kiêm nghiệm một số công việc giúp nhà trường mà không được hưởng chế độ phụ cấp.

## Chương IV

## TỔ CHỨC THỰC HIỆN

**Điều 11. Trách nhiệm của cán bộ, giáo viên, nhân viên**

1. Thực hiện nghiêm túc quy chế này.

2. Tự chấm điểm thi đua của bản thân trong mỗi đợt thi đua đảm bảo tính chính xác, trung thực và khách quan.

3. Có trách nhiệm giúp đỡ Ban giám hiệu, Ban thi đua nhà trường và các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường thực hiện tốt quy chế này.

**Điều 12. Trách nhiệm tổ trưởng chuyên môn.**

1. Chỉ đạo, đôn đốc cho các giáo viên, nhân viên trong tổ thực hiện đúng quy chế.

2. Giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của các giáo viên, nhân viên trong tổ theo đúng Điều lệ, nội quy, quy chế của ngành, của trường và quy định của Pháp luật. Ghi chép và lưu giữ các minh chứng phục vụ cho việc chấm điểm và đánh giá, xếp loại thi đua của giáo viên, nhân viên trong tổ theo quy chế này.

3. Tham mưu với Ban giám hiệu trong việc chấm điểm, đánh giá, xếp loại thi đua cá nhân trong trường theo quy định.

**Điều 13. Trách nhiệm của các tổ chức đoàn thể trong nhà trường**

1. Tuyên truyền tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường về quy chế này và việc thực hiện quy chế này.

2. Cùng với các tổ trưởng, ban giám hiệu, ban thi đua nhà trường tham gia giám sát việc thực hiện nhiệm vụ và tham gia chấm điểm, đánh giá, xếp loại thi đua của cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường.

**Điều 14. Trách nhiệm của Ban giám hiệu**

1. Phó hiệu trưởng có trách nhiệm giúp Hiệu trưởng tổ chức thực hiện quy chế này.

2. Hiệu trưởng có trách nhiệm tổ chức thực hiện quy chế này đảm bảo tính dân chủ, công bằng, khách quan.

3. Giải quyết các ý kiến đề nghị, kiến nghị của cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường về kết quả thi đua của các cá nhân./.